

Tác động của tăng trưởng kinh tế đến an sinh xã hội ở Việt Nam: vấn đề và giải pháp

Nguyễn Minh Trí¹, Đặng Việt Thành²

¹ Trường Đại học Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh.

Email: nm.tri@hutech.edu.vn

² Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 2.

Nhận ngày 16 tháng 1 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 3 năm 2020.

Tóm tắt: Tác động của tăng trưởng kinh tế đến an sinh xã hội ở Việt Nam là một trong những yếu tố cơ bản phản ánh trình độ và chất lượng của sự phát triển bền vững đất nước. Trong thời gian qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng về tăng trưởng kinh tế, tạo điều kiện giải quyết vấn đề an sinh xã hội cho người dân. Tuy nhiên, lợi ích mang lại từ tăng trưởng kinh tế chưa cao, chất lượng lao động có chiều hướng giảm so với yêu cầu; khoảng cách giàu nghèo có xu hướng gia tăng; nguồn lực thực hiện an sinh xã hội chủ yếu dựa vào ngân sách; diện bao phủ và mức hỗ trợ thấp, chưa được điều chỉnh kịp thời.

Từ khóa: An sinh xã hội, phát triển bền vững, tăng trưởng kinh tế.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: The impact of economic growth on social protection in Vietnam is one of the fundamental factors reflecting the level and quality of the country's sustainable development. In recent years, Vietnam has gained important achievements in economic growth, facilitating the social protection for its people. However, the benefits from economic growth are not yet high, the quality of labour tends to decline compared to how it is required to be; the rich-poor gap tends to widen; resources for social protection are mainly based on the State budget; the coverage and extents of assistance provided are low and have not been timely adjusted.

Keywords: Social protection, sustainable development, economic growth.

Subject classification: Philosophy

1. Dẫn nhập

Tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội có mối quan hệ mật thiết. Tăng trưởng kinh tế làm cho các đối tượng doanh nghiệp và người dân thụ hưởng những thành quả của quá trình đó. Ngược lại, doanh nghiệp và người dân khi đã được đảm bảo những quyền lợi cũng phấn đấu phát triển cho bản thân, gia đình làm cho nền kinh tế phát triển bền vững hơn. Tăng trưởng kinh tế cũng dẫn đến gia tăng năng suất lao động, tạo sự chuyển biến về chất cho nền kinh tế. Trong hơn 30 năm đổi mới và hội nhập quốc tế, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt mức cao. Việt Nam cũng đạt được nhiều thành quả ấn tượng về y tế, giáo dục, giảm nghèo, hệ thống an sinh xã hội, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, những thách thức kinh tế vĩ mô làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế không đạt kế hoạch đề ra, làm giảm nguồn lực đầu tư cho an sinh xã hội, dẫn đến tình trạng phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng trong thu nhập, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội còn thấp... Điều đó đã và đang tác động tiêu cực đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay. Bài viết này phân tích những vấn đề và giải pháp nhằm nâng cao hiệu ứng tác động của tăng trưởng kinh tế đến an sinh xã hội ở Việt Nam.

2. Những tác động của tăng trưởng kinh tế đến an sinh xã hội ở Việt Nam

Một là, tăng trưởng kinh tế tác động đến giải quyết việc làm.

Giải quyết việc làm là bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tạo sinh kế cho người lao động. Nhìn lại những năm qua, công tác giải quyết việc làm và phát triển thị trường lao động đã thu được nhiều kết quả khả

quan: giai đoạn 2010-2015, giải quyết việc làm, tạo việc làm cho khoảng 7,8 triệu lao động, trong đó đi lao động ở nước ngoài khoảng 469 nghìn người [2, tr.238]; năm 2019, cả nước giải quyết việc làm cho trên 1,2 triệu lao động, đạt 75,5% kế hoạch năm, bằng 99,5% cùng kỳ năm 2018; cùng với đó, công tác đào tạo nghề được quan tâm, từng bước phát triển, góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo từ dưới 10% năm 1990 tăng lên đạt 58,6% năm 2018 và đạt gần 60% trong 6 tháng đầu năm 2019 [8]. Các phiên giao dịch việc làm, hệ thống thông tin thị trường lao động từng bước gắn kết người lao động và người sử dụng lao động.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong những năm qua cùng với chính sách giải quyết việc làm hiệu quả đã tác động rõ rệt đến thu nhập bình quân của người lao động. Từ năm 2007 trở về trước, Việt Nam là nước thu nhập thấp với bình quân thu nhập đầu người dưới 1.000 USD/người/năm. Đến năm 2008, Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình thấp, với thu nhập bình quân đầu người 1.154 USD/người/năm và tăng lên 2.590 USD/người/năm vào năm 2018 [3, tr.183]. Thu nhập của người dân tăng qua các năm đã góp phần cải thiện chi tiêu cho đời sống người dân, bình quân đầu người theo mức giá hiện hành hàng tháng tăng từ 705 nghìn đồng năm 2008, lên 3.876 nghìn đồng năm 2018 [3, tr.833]. Như vậy, với tốc độ tăng trưởng cao, việc làm ổn định, thu nhập tăng nên chi tiêu sinh hoạt trong các hộ gia đình ngày càng được cải thiện, năm sau cao hơn năm trước, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống.

Tuy nhiên, với sự phát triển kinh tế theo chiều sâu thì những việc làm tạo thêm nhiều giá trị gia tăng là hữu ích. Nền kinh tế đang chuyển từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp dịch vụ, do đó số lượng lao động từ nông thôn ra thành thị, từ tay nghề thấp sang tay nghề cao là một áp lực rất lớn

đối với xã hội. Hệ số co giãn của việc làm với tăng trưởng kinh tế luôn luôn có xu hướng giảm. Nếu tính giai đoạn 2012-2015 thì tỷ lệ này khoảng 0,15% thấp hơn rất nhiều so với giai đoạn 2000-2010 là 0,3% [6]. Mặc dù tỷ lệ thất nghiệp đã giảm từ 2,28% vào năm 2010 xuống còn 2,19% vào năm 2018 [3, tr.150], nhưng tình trạng thất nghiệp ở nông thôn do thiếu trình độ, mất đất do quá trình đô thị hóa, cũng như tình trạng “thất nghiệp trá hình” ở thành thị vẫn tồn tại và có xu hướng gia tăng, gây ra những hệ lụy không nhỏ trong quá trình thực hiện an sinh xã hội. Hơn nữa, lực lượng lao động của nước ta hiện nay còn mang thói quen, tập quán sản xuất nhỏ, thiếu năng động và sáng tạo, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp kém; kiến thức và kỹ năng làm việc theo nhóm hạn chế, ngại phát huy sáng kiến và chia sẻ kinh nghiệm làm việc. Do đó, nguy cơ mất sức cạnh tranh trên thị trường là rất lớn khi tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế.

Hai là, tăng trưởng kinh tế tác động đến công tác xóa đói, giảm nghèo.

Tăng trưởng kinh tế gắn với công tác xóa đói, giảm nghèo là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước Việt Nam, nhằm đảm bảo cho mọi người dân có được cả vật chất và tinh thần. Nếu tăng trưởng kinh tế không gắn với xóa đói, giảm nghèo sẽ làm cho xã hội phát triển “què quặt”, làm tăng thêm mâu thuẫn nội tại của quốc gia; ngược lại, tăng trưởng kinh tế gắn với công tác xóa đói, giảm nghèo sẽ tạo cơ hội cho bộ phận người dân yếu thế thoát nghèo, có được cơ hội về thu nhập, cơ hội tiêu dùng với tư cách là thực thể xã hội. Chính vì vậy, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng vào con người, nhất là những người nghèo, được dư luận quốc tế đánh giá là một trong những quốc gia điển hình trong việc thực hiện Mục tiêu

Thiên niên kỷ về xóa đói, giảm nghèo. Theo chuẩn quốc gia, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 30% năm 1992 xuống còn 5,8% năm 2016; tính theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giảm từ 14,2% năm 2010 xuống còn 6,8% năm 2018, riêng các huyện nghèo giảm 4% [3, tr.854]. Theo báo cáo của Chính phủ về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, đến nay, hầu hết các đối tượng chính sách xã hội, trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở các vùng khó khăn đã có bảo hiểm y tế; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trên 34,3 triệu người, hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho trên 15,1 triệu người. Quyết tâm chính trị trong cuộc đấu tranh giảm nghèo của Đảng và Nhà nước ta đã tạo điều kiện cho mọi người dân thụ hưởng những thành quả của tăng trưởng kinh tế, từ đó vươn lên thoát nghèo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần.

Tuy nhiên, sự tác động của tăng trưởng kinh tế đến công tác xóa đói, giảm nghèo vẫn còn những hạn chế, như công tác giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao, nhất là vùng đồng bằng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa [2, tr.256]. Trong giai đoạn Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình thì tỷ lệ hộ nghèo giảm tương đối chậm và trở thành một trong những vấn đề lớn đối với tăng trưởng kinh tế. Việc áp dụng chuẩn nghèo mới theo hướng tiếp cận đa chiều cũng tạo nên một áp lực đối với chính sách về an sinh xã hội, cũng như là một nút thắt đối với những vấn đề của tăng trưởng kinh tế. Những hộ nghèo hiện nay tập trung chủ yếu ở vùng nông thôn, miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số, những địa bàn đặc biệt khó khăn về cơ sở hạ tầng, giao thông, điều kiện sản xuất kinh doanh... Nhiều nhận định cho rằng, tốc độ giảm nghèo không chỉ phụ thuộc vào tăng trưởng kinh tế, mà còn

phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác, như các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình lồng ghép hay sự hỗ trợ trực tiếp của các cấp chính quyền.

Một trong những yếu tố của giảm nghèo với tăng trưởng kinh tế còn là sự phân hóa giàu nghèo [6]. Sự chênh lệch đời sống và mức hưởng thụ văn hóa giữa nhân dân nội thành và ngoại thành càng lớn, phân hóa giàu nghèo có xu hướng tăng nhanh. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm (2019), thu nhập của nhóm 1 (20% người có thu nhập thấp nhất) là 932 nghìn đồng/tháng, nhóm 5 (20% người có thu nhập cao nhất) là 9.320 nghìn đồng/tháng. Hệ số chênh lệch thu nhập giữa nhóm 1 và nhóm 5 có xu hướng ngày càng dẫn ra 10 lần (năm 1995 là 6,99 lần, năm 2006 là 8,4 lần, năm 2013 là 9,55 lần) [3, tr.834]. Điều này cho thấy, thu nhập bình quân ở Việt Nam giữa nhóm giàu nhất và nhóm nghèo nhất không được cải thiện, mà có xu hướng ngày càng gia tăng do cơ hội và thành quả tăng trưởng kinh tế không được chia sẻ một cách đồng đều. Sự phân hóa giàu nghèo sẽ dẫn đến bất bình đẳng về thu nhập, về cơ hội... dẫn đến những xáo trộn và biến động của đất nước. Những hạn chế này đã được Đại hội Đảng XII nhận định: “nguy cơ tái nghèo còn cao; khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư còn lớn. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo ở vùng sâu, vùng xa, nhất là trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao (một số huyện, xã lên đến 50%). Một số chính sách về an sinh xã hội, giảm nghèo còn chồng chéo, chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao và chưa khuyến khích người nghèo vươn lên thoát nghèo” [2, tr.256].

Ba là, tăng trưởng kinh tế tác động đến công tác bảo hiểm xã hội.

Trong quá trình phát triển và hội nhập, Việt Nam coi công tác bảo hiểm xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng

đầu của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quyền và nghĩa vụ cho hàng triệu người lao động. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đã góp phần mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội. Hệ thống bảo hiểm xã hội được hoàn thiện với nội dung và hình thức ngày càng phong phú, nhằm chia sẻ và trợ giúp thiết thực cho người tham gia bảo hiểm xã hội. Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tăng đều hàng năm, tính đến 31-10-2019, tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là 14,915 triệu người, đạt 97,5% kế hoạch. Đến ngày 31-12-2018, tổng số người hưởng bảo hiểm xã hội hàng tháng do ngân sách nhà nước bảo đảm là 1,2 triệu người, giảm 1,3% so với năm 2017, ước thực hiện 46.129 tỷ đồng [3, tr.203]. Số đối tượng hưởng trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề tăng, được giới thiệu việc làm đều tăng mạnh. Hiện nay, tất cả 63 tỉnh, thành phố thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng qua hệ thống bưu điện.

Tuy nhiên, sự tác động của tăng trưởng kinh tế đến bảo hiểm xã hội vẫn còn những thách thức. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội chỉ chiếm chưa tới 1/3 lực lượng lao động; tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp cũng khá thấp. Người lao động trong khu vực kinh tế chính thức có tham gia bảo hiểm xã hội, song quy mô bao phủ bảo hiểm xã hội còn thấp. Theo thống kê của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, số người tham gia bảo hiểm xã hội năm 2011 là 10,2 triệu người, năm 2017 là 13,8 triệu người, năm 2019 là 14,5 triệu người. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, mặc dù tỷ lệ bao phủ đã tăng từ 20,3% năm 2011 lên 41,1% năm 2018, song tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội mới chỉ ở mức khoảng 1/4 lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên [3, tr.203]. Điều đó có nghĩa là một bộ phận lớn lực lượng lao động chưa tham gia bảo hiểm xã hội và không được

hưởng lợi ích từ bảo hiểm xã hội hiện tại và tương lai sau khi đến tuổi nghỉ hưu. Hơn nữa, số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trên tổng lao động tham gia bảo hiểm xã hội. Sau 10 năm triển khai chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện, mới chỉ có khoảng 300 nghìn người tham gia [9] trong khi đó, khu vực phi chính thức hiện nay có khoảng 19 triệu lao động [10]. Điều này cho thấy người lao động chưa nhận thức được lợi ích của việc tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm xã hội tự nguyện chưa đủ sức hấp dẫn hoặc người lao động chưa đủ khả năng tài chính để đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Bốn là, tăng trưởng kinh tế tác động đến ưu đãi đối với người có công với cách mạng.

Từ năm 1945 đến nay, Đảng ta luôn quán triệt quan điểm: “Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội và vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh và cha mẹ, vợ con liệt sỹ, người được hưởng chính sách xã hội” [1, tr.106]. Đây là chủ trương xuyên suốt trong các văn kiện của Đảng và được điều chỉnh theo tình hình kinh tế - xã hội của đất nước để đối tượng được hưởng chính sách có cuộc sống ổn định.

Thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng, Chính phủ đã đưa ra các chính sách hỗ trợ những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo 98,5% hộ với mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư cùng địa bàn [4]. Người có công với cách mạng và thân nhân tùy theo từng trường hợp sẽ được hưởng một hoặc một số chế độ ưu đãi xã hội (trợ cấp và phụ cấp ưu đãi hàng tháng, một lần; hỗ trợ về nhà ở; phương tiện chính hình, phục hồi chức năng; điều dưỡng định kỳ; cấp thẻ bảo hiểm

y tế miễn phí; miễn học phí v.v.). Tính đến hết năm 2018, cả nước có trên 1,3 triệu người có công được hưởng trợ cấp hàng tháng. Mỗi năm giải quyết chế độ trợ cấp một lần cho 6 đến 8 nghìn trường hợp, đưa trên 580 nghìn lượt người có công đi điều dưỡng định kỳ và hỗ trợ giáo dục cho khoảng 40 nghìn lượt người [7]. Công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ và xác định danh tính hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin được tiếp tục triển khai. Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” đã được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các bộ, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, các tổ chức và cộng đồng xã hội tích cực hưởng ứng, trở thành nét đẹp truyền thống của dân tộc (các hoạt động như tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa; xây dựng, sửa chữa nhà tình nghĩa; xây dựng Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”; tặng vườn cây tình nghĩa, áo ấm tặng mẹ, áo lụa tặng bà; phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm sóc thân nhân liệt sỹ, đỡ đầu con thương binh, con liệt sỹ). Những hoạt động này, đã góp phần ổn định chính trị - xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công vẫn còn một số đối tượng chưa được xem xét, xác minh do hồ sơ, giấy tờ không còn, thiếu chứng cứ. Đội ngũ làm công tác xác định đối tượng ở các đơn vị, địa phương thường xuyên thay đổi; việc phối hợp giữa cấp trên và cấp dưới ở một số địa phương trong chỉ đạo kiểm tra chưa thống nhất, thẩm định hồ sơ còn đơn giản, thiếu chặt chẽ và các chính sách ưu đãi xã hội thường chậm và chưa đồng bộ với chính sách kinh tế.

Năm là, tăng trưởng kinh tế tác động đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân là phương tiện nhằm đảm bảo cho mọi người dân có sức khỏe, thể lực tốt tham

gia vào hoạt động sản xuất, góp phần thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội bền vững cho hiện tại và tương lai. Vì lẽ đó, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định, đầu tư cho y tế là đầu tư cho con người, tăng trưởng kinh tế đi đôi với cải thiện toàn diện đời sống của người dân hướng đến sự phát triển bền vững. Tính đến tháng 12-2018, cả nước có 49.984 cơ sở khám, chữa bệnh, tổ chức bộ máy y tế được hoàn thiện từ cơ sở đến tỉnh, thành theo hướng phổ cập, chuyên sâu và hiện đại, chất lượng đội ngũ cán bộ y tế được nâng lên. Các chỉ số sức khỏe cộng đồng được nâng lên, như tỷ lệ tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi đã giảm từ 81‰ năm 1990 xuống còn khoảng 21,5‰ năm 2017; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng đã giảm tương ứng từ 50% xuống còn khoảng 13,4%; tỷ lệ trẻ dưới một tuổi được tiêm đầy đủ các loại vắc xin chiếm 96,4%; tuổi thọ trung bình hiện nay là 73,5 tuổi. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế phủ đến 83% dân số [8]. Điều này đã tạo điều kiện chăm sóc tốt hơn về y tế cho các tầng lớp dân cư trong xã hội, thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Tuy vậy, tác động của tăng trưởng kinh tế đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân còn hạn chế. Mạng lưới y tế tuy được mở rộng nhưng phân bố chưa hợp lý, chưa thuận tiện cho người dân. Chất lượng khám, chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là tuyến cơ sở. Việc khắc phục tình trạng quá tải bệnh viện còn chậm [2, tr.256]. Ý thức của một bộ phận cán bộ y tế chưa tốt. Công tác y tế dự phòng có mặt còn bất cập. Việc thực hiện lộ trình áp dụng giá thị trường với dịch vụ y tế và cơ chế tự chủ trong các đơn vị y tế công lập còn chậm. Cơ chế, chính sách bảo hiểm y tế, thu viện phí và khám, chữa bệnh cho người nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn bất cập. Sự đầu tư và

sự hưởng thụ về sức khỏe và các dịch vụ khác ngày càng nghiêng về phía người có nhiều tiền sống ở thành thị.

3. Giải pháp nâng cao hiệu ứng tác động của tăng trưởng kinh tế đến an sinh xã hội ở Việt Nam

Một là, duy trì môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, trên cơ sở đó thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động của nền kinh tế. Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững vì mục tiêu an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, tạo điều kiện quan trọng thực hiện tiến bộ xã hội, Việt Nam cần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp, tập trung phát triển ngành công nghiệp có giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học hiện đại, tạo ra nguồn lực thực hiện an sinh xã hội cho mọi người dân.

Hai là, thực hiện các chính sách tăng trưởng hài hòa [5]. Theo yêu cầu của mô hình tăng trưởng hài hòa, các chính sách cần được hoàn thiện theo hai hướng: (i) Làm cho tất cả mọi tầng lớp dân cư trong xã hội đều được tham gia quá trình tăng trưởng kinh tế để hưởng lợi trực tiếp từ thành quả tăng trưởng; (ii) Thực hiện kịp thời việc phân phối lại thành quả tăng trưởng giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng, miền trong cả nước để tạo ra một động thái tích cực và công bằng về tiến bộ xã hội cho con người.

Theo định hướng này, cần chú ý một số chính sách nhằm tạo bình đẳng về cơ hội tham gia quá trình tăng trưởng kinh tế cho mọi người: phát triển mạnh hệ thống kết cấu hạ tầng kết nối, nhất là hệ thống giao thông và hệ thống thông tin giữa các vùng trọng

điểm, thu hút đầu tư với các vùng sâu, vùng xa - nơi cung cấp nguồn lao động, xóa bỏ thể cô lập cho các vùng chậm phát triển hiện nay; kết hợp hài hòa giữa việc phân phối lại thông qua điều tiết hợp lý thu nhập trong các tầng lớp dân cư với việc xây dựng và kiên toàn hệ thống an sinh xã hội nhiều tầng nấc. Trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta hiện nay, các đối tượng của an sinh xã hội là rất đa dạng, do đó cần xây dựng, củng cố và ngày càng kiên toàn hệ thống chính sách an sinh xã hội nhiều tầng nấc; tăng cường cung cấp các dịch vụ giáo dục, sức khỏe và xã hội tại các vùng sâu, vùng xa để họ có đủ điều kiện về kiến thức hay tay nghề tham gia trực tiếp vào việc tạo thu nhập.

Ba là, cải thiện chính sách phân phối thành quả tăng trưởng kinh tế cho các lĩnh vực liên quan đến con người [5]: (i) Sử dụng thành quả tăng trưởng kinh tế để cải thiện các khía cạnh liên quan đến phát triển con người, xã hội. Quá trình tăng trưởng kinh tế phải được kiểm soát thường xuyên, chặt chẽ bởi các chỉ tiêu phát triển xã hội, trong đó trọng tâm là vấn đề xóa đói, giảm nghèo, công bằng xã hội, giải quyết việc làm, chỉ tiêu liên quan đến sự phát triển toàn diện cho con người (như giáo dục, y tế, thể dục - thể thao, văn hóa - nghệ thuật); (ii) Các chính sách tăng trưởng kinh tế gắn liền với tạo điều kiện ngày càng công bằng cho tất cả mọi người về cơ hội phát triển. Điều này liên quan đến việc cần thực hiện các chính sách tạo điều kiện cho tất cả mọi người đều được tham gia quá trình thực hiện tăng trưởng kinh tế; thực hiện chính sách nhằm sử dụng triệt để và bảo đảm cho tất cả mọi người có cơ hội tham gia các quá trình kinh tế để tạo tăng trưởng; (iii) Thành quả tăng trưởng kinh tế luôn gắn với nâng cao mức sống cho quần chúng nhân dân, thông qua chính sách phân phối và phân phối lại thu nhập. Mô hình tăng trưởng vì

con người đặt ra yêu cầu sử dụng có hiệu quả hai phương thức phân phối thu nhập: phân phối thu nhập theo chức năng, tức là thu nhập của mỗi người được xác định trên cơ sở đóng góp về số lượng và chất lượng nguồn lực mà họ đóng góp vào việc tạo ra thu nhập cho nền kinh tế; phân phối lại thu nhập, dưới hình thức trực tiếp (thuế, trợ cấp) và gián tiếp (qua chính sách giá tiếp cận dịch vụ công) để góp phần điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội; (iv) Đẩy mạnh việc xây dựng, điều chỉnh, hoàn thiện cơ chế, chính sách an sinh xã hội, cụ thể:

- Xây dựng chính sách giải quyết tốt việc làm và thu nhập của các tầng lớp dân cư. Đây được coi là cách thức bền vững nhất thực hiện tiến bộ xã hội ở nước ta. Đại hội Đảng XII xác định: “Tạo cơ hội để mọi người có việc làm và cải thiện thu nhập. Bảo đảm tiền lương, thu nhập công bằng, đủ điều kiện sống và tái sản xuất sức lao động” [2, tr.136], do đó cần có cơ chế, chính sách phát huy hơn nữa vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong quá trình phát triển bằng cách tiếp tục tạo dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng giữa khu vực kinh tế tư nhân với khu vực kinh tế nhà nước theo nguyên tắc của nền kinh tế thị trường. Hỗ trợ khu vực tư nhân bằng các chính sách thiết thực, sát với nhu cầu thực tiễn. Coi trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động phải gắn với quy hoạch kinh tế - xã hội, các chương trình phát triển kinh tế, ngành nghề và định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng địa phương. Huy động mọi nguồn lực đầu tư tham gia công tác đào tạo nghề. Cùng với đó, hoàn thiện và thực hiện chính sách bảo hộ lao động, đẩy mạnh xuất khẩu lao động là giải pháp quan trọng trong giải quyết việc làm, đáp ứng nhu cầu thực tiễn,

góp phần tăng thu nhập, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động hiện nay.

- Đảng và Nhà nước cần phải quyết liệt đưa mục tiêu giảm nghèo đa chiều vào nội dung chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Chỉ đạo các tỉnh, thành xây dựng kế hoạch chi tiết chương trình, chính sách giảm nghèo hàng năm theo lộ trình cụ thể với những giải pháp thiết thực, sát nhu cầu trợ giúp của người nghèo với điều kiện cụ thể của tỉnh, thành, tránh đốt cháy giai đoạn; rà soát, phân loại hộ nghèo, cận nghèo một cách khách quan, chính xác để có biện pháp hỗ trợ thích hợp.

- Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, tăng độ bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Hiện nay, trừ bảo hiểm y tế, độ bao phủ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp còn thấp và chủ yếu mới ở khu vực kinh tế chính thức. Khu vực kinh tế phi chính thức với số lượng lao động đông đảo ở nước ta phần lớn vẫn chưa tham gia bảo hiểm xã hội.

- Đẩy mạnh xã hội hóa y tế, thí điểm hình thành cơ sở khám, chữa bệnh theo hình thức hợp tác công - tư và mô hình quản lý bệnh viện như doanh nghiệp công ích; đẩy nhanh tiến độ thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Khuyến khích, hỗ trợ ý tưởng sáng tạo, thúc đẩy đổi mới, phát triển, nhất là trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ, văn hóa, nghệ thuật... Quản lý phát triển xã hội phải tập trung vào việc xây dựng mô hình phát triển xã hội hợp lý, đặt trọng tâm vào giai tầng xã hội có thu nhập thấp trên cơ sở không ngừng nâng cao đời sống nhân dân.

4. Kết luận

Trong những năm qua, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đã góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp, thu hẹp khoảng cách giữa nhóm giàu

nhất và nhóm nghèo nhất, mở rộng độ bao phủ bảo hiểm xã hội, đảm bảo sự công bằng và tiến bộ xã hội. Tuy vậy, quá trình tăng trưởng kinh tế cũng đặt ra nhiều thách thức đối với an sinh xã hội, đòi hỏi Việt Nam cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp trên đây để nâng cao hiệu ứng tác động của tăng trưởng kinh tế đến an sinh xã hội, góp phần hiện thực hóa mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [3] Tổng cục Thống kê (2019), *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2018*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [4] <http://tapchikhxh.vass.gov.vn/day-manh-chinh-sach-an-sinh-xa-hoi-bao-dam-tien-bo-va-cong-bang-xa-hoi-o-nuoc-ta-hien-nay-n50093.html>
- [5] <http://tapchicongsan.org.vn/nghien-cu/-/2018/525201/tac-dong-cua-tang-truong-kinh-te-den-phat-trien-con-nguoi-o-viet-nam--van-de-va-giai-phap.aspx>
- [6] http://apd.edu.vn/cac-khoa/-/asset_publisher/7vGDMVHzNkxi/content/an-sinh-xa-hoi-va-tac-ong-cua-tang-truong-kinh-te-en-an-sinh-xa-hoi
- [7] <http://hdl.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/dam-bao-phuc-loi-xa-hoi-va-tang-truong-kinh-te-o-viet-nam.html>
- [8] <http://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/815667/van-%C4%91e-con-nguoi-trong-di-chuc-cua-chu-tich-ho-chi-minh.aspx>
- [9] <http://tapchitaichinh.vn/bao-hiem/de-kich-cau-nguoi-dan-tham-gia-bhxx-tu-nguyen-315665.html>
- [10] <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=19136>

